

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO KỲ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	HS trường (thpt)	Môn thi	Kết quả thi			Đơn xin phúc khảo		Điểm sau khi phúc khảo			
						LT	TH	ĐTB	LT	TH	LT	TH	ĐTB	KQXL
1	HĐ 21: Võ Văn Kiệt	807095	Lê Ngọc Thùy Trinh	Tạ Quang Bửu	Tin học	4.75	3.00	3.5		x	4.75	3.00	3.50	Hồng
2		806601	Nguyễn Hoàng Đạt	Võ Văn Kiệt	Tin học	8.25	4.00	5	x		8.25	4.00	5.00	Tbình
3		806616	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang	Võ Văn Kiệt	Tin học	5.00	4.75	5	x		5.00	4.75	5.00	Tbình
4	HĐ 75: Lê Trọng Tấn	829316	Hoàng Bảo Châu	Lê Trọng Tấn	Tin học	2.50	9.50	8	x		2.50	9.50	8.00	Hồng
5		829390	Nguyễn Hoàng Đặng	Lê Trọng Tấn	Tin học	2.75	10.00	8	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
6		829476	Lê Thị Thanh Huệ	Lê Trọng Tấn	Tin học	2.75	10.00	8	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
7		829496	Nguyễn Quốc Huy	Lê Trọng Tấn	Tin học	2.75	9.00	7.5	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
8		829598	Võ Thùy Linh	Lê Trọng Tấn	Tin học	2.75	8.00	6.5	x		2.75	8.00	6.50	Hồng
9		829631	Huỳnh Lê Thái Minh	Lê Trọng Tấn	Tin học	2.75	10.00	8	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
10		829719	Ung Hoàng Nhật	Lê Trọng Tấn	Tin học	2.25	10.00	8	x		2.25	10.00	8.00	Hồng
11		829879	Phan Văn Thái	Lê Trọng Tấn	Tin học	2.75	10.00	8	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
12	HĐ 31: Nam Kỳ Khởi Nghĩa	811252	Phu Vạn Hòa	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	2.75	8.50	7	x		2.75	8.50	7.00	Hồng
13		811534	Văn Kim Hà Thanh	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Tin học	2.50	10.00	8	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
14		203593	Lê Võ Tấn Phúc	TT.GDNN-GDTX Q.11	Điện	2.00	10.00	8	x		2.00	10.00	8.00	Hồng
15		203507	Mạc Trí Hiền	TT.GDNN-GDTX Q.11	Điện	2.75	8.00	6.5	x		2.75	8.00	6.50	Hồng
16	HĐ 10: Nguyễn Trãi	200518	Ngô Đức Tùng	Marie Curie	Điện	8.75				x	8.75	9.00	9.00	Giỏi
17		801606	Lý Cát Hạnh	Nguyễn Trãi	Tin học	6.50	6.00	6		x	6.50	9.00	8.50	Khá
18		801611	Lương Thanh Hiền	Nguyễn Trãi	Tin học	4.75	4.25	4.5		x	4.75	7.00	6.50	Tbình
19	HĐ 70: Thanh Bình	504981	Nguyễn Tiến Dũng	Thanh Bình	Nhiếp ảnh	2.75	9.50	8	x		2.75	9.50	8.00	Hồng
20		505487	Ngô Thị Ngọc Trúc	Thanh Bình	Nhiếp ảnh	2.25	9.50	7.5	x		2.25	9.50	7.50	Hồng
21		505500	Nguyễn Đăng Trường	Thanh Bình	Nhiếp ảnh	2.50	9.50	8	x		2.50	9.50	8.00	Hồng
22	HĐ 18: Lê Thánh Tôn	202417	Lê Thị Thu Diễm	Long Thới	Điện		9.50		x		9.25	9.50	9.50	Giỏi
23	HĐ 67: Nguyễn Thái Bình	825925	Dương Nguyễn Thùy Linh	Nguyễn Thái Bình	Tin học	2.50	6.50	5.5	x		2.50	6.50	5.50	Hồng
24		825934	Nguyễn Huỳnh Nhã Linh	Nguyễn Thái Bình	Tin học	2.75	9.00	7.5	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
25		826006	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nguyễn Thái Bình	Tin học	2.50	9.00	7.5	x		2.50	9.00	7.50	Hồng
26		826050	Ngô Thành Nhân	Nguyễn Thái Bình	Tin học	2.5	9.00	7.5	x		2.50	9.00	7.50	Hồng
27		826051	Nguyễn Lê Thành Nhân	Nguyễn Thái Bình	Tin học	2.75	8.50	7	x		2.75	8.50	7.00	Hồng
28		826244	Trần Thiên	Nguyễn Thái Bình	Tin học	2.75	6.50	5.5	x		2.75	6.50	5.50	Hồng
29		826417	Nguyễn Hải Vi	Nguyễn Thái Bình	Tin học	2.75	8.50	7	x		2.75	8.50	7.00	Hồng

KẾT QUẢ CHẤM PHỨC KHẢO KỶ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	HS trường (thpt)	Môn thi	Kết quả thi			Đơn xin phúc khảo		Điểm sau khi phúc khảo			
						LT	TH	ĐTB	LT	TH	LT	TH	ĐTB	KQXL
30	HĐ 15: Nguyễn Tất Thành	803485	Lại Kiều Anh	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	3.50	4.00	4	x	x	3.50	4.00	4.00	Hồng
31		803561	Huỳnh Tấn Đạt	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	4.00	3.50	3.5	x	x	4.00	4.50	4.50	Hồng
32		803527	Văn Thuận Dũng	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.75	7.50	6.5	x		2.75	7.50	6.50	Hồng
33		803582	Nguyễn Hoài Đức	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	5.50	2.00	3		x	5.50	2.00	3.00	Hồng
34		803540	Nguyễn Phước Duy	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.50	8.50	7	x		2.50	8.50	7.00	Hồng
35		803586	Đoàn Thị Xuân Hà	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	1.25	3.50	3	x	x	1.25	3.50	3.00	Hồng
36		803601	Tiền Mỹ Hào	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.75	7.00	6	x		2.75	7.00	6.00	Hồng
37		803637	Lê Minh Huy	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.50	7.00	6	x		2.50	7.00	6.00	Hồng
38		803792	Mai Yến Nhi	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.75	9.50	8	x		2.75	9.50	8.00	Hồng
39		803797	Phạm Hồng Nhung	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.75	10.00	8	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
40		803847	Thang Diệp Phụng	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.75	6.50	5.5	x		2.75	6.50	5.50	Hồng
41		803863	Tăng Hiền Quốc	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.75	6.00	5	x		2.75	6.00	5.00	Hồng
42		803871	Nguyễn Thị Như Quỳnh	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	1.75	9.00	7	x		1.75	9.00	7.00	Hồng
43		803885	Nguyễn Thị Thu Sương	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.75	7.00	6	x		2.75	7.00	6.00	Hồng
44		803905	Nguyễn Hoàng Thái	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.75	7.00	6	x		2.75	7.00	6.00	Hồng
45		803915	Võ Kim Thanh	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	3.50	5.00	4.5	x		3.50	5.00	4.50	Hồng
46		803965	Nguyễn Trí Thức	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.25	7.50	6	x		2.25	7.50	6.00	Hồng
47		803957	Trần Kim Thùy	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	4.25	4.00	4	x	x	4.50	4.00	4.00	Hồng
48		803958	Đặng Kim Thủy	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	3.75	4.00	4	x	x	3.75	4.00	4.00	Hồng
49		803985	Ngô Nhi Đài Trang	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	1.25	7.00	5.5	x		1.25	7.00	5.50	Hồng
50		804001	Phạm Trần Minh Trí	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.75	6.00	5	x		2.75	6.00	5.00	Hồng
51		804049	Trần Mỹ Vân	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.00	9.50	7.5	x		2.00	9.50	7.50	Hồng
52		804057	Lưu Thiết Vinh	TT.GDNN-GDTX Q.6	Tin học	2.50	9.50	8	x		2.50	9.50	8.00	Hồng
53	HĐ 79: Nguyễn Hữu Huân	301412	Võ Thị Kim Liên	TT.GDNN-GDTX Q.Thủ Đức	Làm vườn	2.25	9.00	7.5	x		2.00	9.00	7.50	Hồng
54	HĐ 4: Lương Thế Vinh	501903	Phạm Thu Thảo	Đức Trí	Nhiếp ảnh	2.25	9.00	7.5	x		2.25	9.00	7.50	Hồng
55		501487	Đỗ Thanh Hoàng Hạnh	Đức Trí	Nhiếp ảnh	6.25				x	6.25	v		v
56	HĐ 29: Nguyễn Hiền	810242	Trương Kịch	TT.GDNN-GDTX Q.11	Tin học	4.75	8.75	8	x		4.75	8.75	8.00	Tbình
57		810444	Nguyễn Thu Thảo	TT.GDNN-GDTX Q.11	Tin học	3.75	2.75	3		x	3.75	2.75	3.00	Hồng
58		810117	Trần Thảo Đình	TT.GDNN-GDTX Q.11	Tin học	4.00	8.25	7	x		4.00	8.25	7.00	Tbình
59	HĐ 81: Nguyễn Huệ	831429	Phạm Huyền Trang	Nguyễn Văn Tăng	Tin học	6.00				x	6.00	9.50	8.50	Khá
60	HĐ 78: Hiệp Bình	300996	Đỗ Minh Thuận	Nguyễn Văn Tăng	Làm vườn	2.50	9.00	7.5	x		2.50	9.00	7.50	Hồng
61	HĐ 76: Hồng Đức	505999	Nguyễn Tiến Nhân	Hồng Đức	Nhiếp ảnh	2.75	9.00	7.5	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
62	HĐ 77: Thủ Đức	830190	Nguyễn Văn Châu	Bách Việt	Tin học	3.75	2.00	2.5	x	x	3.75	2.00	2.50	Hồng
63		830293	Võ Thiều Hóa	Bách Việt	Tin học	2.25	3.00	3	x	x	2.25	3.00	3.00	Hồng
64		830572	Phan Đặng Mỹ Tâm	Bách Việt	Tin học	4.00	3.50	3.5	x	x	4.00	3.50	3.50	Hồng
65		830681	Đặng Hoàng Trung	Bách Việt	Tin học	4.25	3.00	3.5	x	x	4.25	3.00	3.50	Hồng

KẾT QUẢ CHẤM PHỨC KHẢO KỶ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	HS trường (thpt)	Môn thi	Kết quả thi			Đơn xin phúc khảo		Điểm sau khi phúc khảo			
						LT	TH	ĐTB	LT	TH	LT	TH	ĐTB	KQXL
66	HĐ 83: Ngô Thời Nhiệm	831908	Trần Thị Vân Anh	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	9.75	8	x		2.75	9.75	8.00	Hồng
67		831956	Nguyễn Trung Du	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	9.00	7.5	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
68		831982	Lưu Tấn Đạt	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	8.00	6.5	x		2.75	8.00	6.50	Hồng
69		832026	Đào Thu Ngân Hằng	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	8.50	7	x		2.75	8.50	7.00	Hồng
70		832094	Huỳnh Tấn Hưng	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	7.50	6.5	x		2.75	7.50	6.50	Hồng
71		832206	Bùi Thị Kim Ngân	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	7.00	6	x		2.75	7.00	6.00	Hồng
72		832261	Nguyễn Thanh Thảo Nhi	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.25	9.75	8	x		2.25	9.75	8.00	Hồng
73		832280	Lê Tô Ny	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	10.00	8	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
74		832277	Nguyễn Thị Quỳnh Nhuư	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	8.50	7	x		2.75	8.50	7.00	Hồng
75		832294	Nguyễn Thiện Phú	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	8.00	6.5	x		2.75	8.00	6.50	Hồng
76		832323	Cao Thanh Quan	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.50	8.75	7	x		2.50	8.75	7.00	Hồng
77	HĐ 65: Nguyễn Thượng Hiền	832381	Nguyễn Lý Phương Thảo	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	9.00	7.5	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
78		832513	Nguyễn Văn Tường	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.50	7.00	6	x		2.50	7.00	6.00	Hồng
79		832542	Ngô Thị Thảo Vy	Ngô Thời Nhiệm	Tin học	2.75	8.00	6.5	x		2.75	8.00	6.50	Hồng
80		208684	Trần Xuân Đạt	Nam Việt	Điện	2.25	9.00	7.5	x		2.25	9.00	7.50	Hồng
81		208891	Nguyễn Thành Nam	Nam Việt	Điện		9.00		x		7.25	9.00	8.50	Khá
82	HĐ 8: Lê Thị Hồng Gấm	502232	Lê Hải	Đảng Khoa	Nhiếp ảnh	2.75	9.25	7.5	x		2.75	9.25	7.50	Hồng
83		502383	Lâm Quang Minh	Đảng Khoa	Nhiếp ảnh	2.50	9.75	8	x		2.50	9.75	8.00	Hồng
84		502551	Nguyễn Thị Thiên Thanh	Đảng Khoa	Nhiếp ảnh	2.75	10.00	8	x		2.75	10.00	8.00	Hồng
85	HĐ 42: Bình Hưng Hòa	815851	Lưu Gia Bình	Phan Châu Trinh	Tin học	2.75	8.50	7	x		2.75	8.50	7.00	Hồng
86		816313	Nguyễn Lê Thúy Vy	Phan Châu Trinh	Tin học	2.50	6.50	5.5	x		2.50	6.50	5.50	Hồng
87	HĐ 66: Hồng Hà	504548	Trần Lê Nhật Phong	Hồng Hà	Nhiếp ảnh	2.75	9.50	8	x		2.75	9.50	8.00	Hồng
88		504264	Hà Văn Vũ Huy	Hồng Hà	Nhiếp ảnh	2.75	9.50	8	x		2.75	9.50	8.00	Hồng
89		504387	Huỳnh Nguyễn Đức Long	Hồng Hà	Nhiếp ảnh	2.25	9.25	7.5	x		2.25	9.25	7.50	Hồng
90		504551	Nguyễn Duy Phú	Hồng Hà	Nhiếp ảnh	7.25				x	7.25			
91	HĐ 85: Giồng Ông Tố	406374	Phạm Quốc Thắng	Giồng Ông Tố	Nấu ăn	2.75	8.00	6.5	x		2.75	8.00	6.50	Hồng
92	HĐ 84: Thủ Thiêm	211298	Nguyễn Kiều An	Hoa Sen	Điện	5.25	4.00	4.5	x	x	5.25	4.00	4.50	Hồng
93		211336	Lê Tăng Bảo Chân	Hoa Sen	Điện	4.00	4.00	4	x	x	4.00	4.00	4.00	Hồng
94		211340	Trương Phước Châu	Hoa Sen	Điện	5.00	4.00	4.5		x	5.00	4.00	4.50	Hồng
95		211362	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Hoa Sen	Điện	2.75	9.00	7.5	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
96		211384	Trương Hà Minh Đức	Hoa Sen	Điện	2.25	8.00	6.5	x		2.25	8.00	6.50	Hồng
97		211417	Huỳnh Thanh Hiếu	Hoa Sen	Điện	2.75	7.00	6	x		2.75	7.00	6.00	Hồng
98		211611	Nguyễn Thiện Phong	Hoa Sen	Điện	2.75	6.00	5	x		2.75	6.00	5.00	Hồng
99		211730	Nguyễn Thị Phương Thy	Hoa Sen	Điện	3.75	5.00	4.5	x		3.75	5.00	4.50	Hồng
100	HĐ 81: Nguyễn Huệ	830790	Võ Huỳnh Ngọc Anh	Hoa Sen	Tin học	2.75	9.75	8	x		2.75	9.75	8.00	Hồng
101		830791	Vũ Thị Phương Anh	Hoa Sen	Tin học	3.25			x	x	3.25			
102		830828	Nguyễn Minh Công	Hoa Sen	Tin học	2.50	9.75	8	x		2.75	9.75	8.00	Hồng
103		830888	Nguyễn Minh Đông	Hoa Sen	Tin học	2.50	8.25	7	x		2.75	8.25	7.00	Hồng
104		830965	Nguyễn Trương Thanh Hoàng	Hoa Sen	Tin học	2.00	4.50	4	x		2.25	4.50	4.00	Hồng
105		830994	Nguyễn Quang Huy	Hoa Sen	Tin học	1.50	6.25	5	x	x	1.50	6.25	5.00	Hồng
106		831001	Trần Nguyễn Nhật Huy	Hoa Sen	Tin học	2.25	4.00	3.5	x	x	2.25	4.00	3.50	Hồng

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO KỲ THI NGHỀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

STT	HỘI ĐỒNG	SBD	Họ tên thí sinh	HS trường (thpt)	Môn thi	Kết quả thi			Đơn xin phúc khảo		Điểm sau khi phúc khảo			
						LT	TH	ĐTB	LT	TH	LT	TH	ĐTB	KQXL
107		831032	Dương Minh Khoa	Hoa Sen	Tin học	3.25	3.25	3.5	x	x	3.25	3.25	3.50	Hồng
108		831058	Hoàng Thị Thùy Linh	Hoa Sen	Tin học	1.50	5.00	4	x	x	1.50	8.00	6.50	Hồng
109		831067	Thái Khánh Linh	Hoa Sen	Tin học	2.00	2.00	2	x	x	2.00	2.00	2.00	Hồng
110		831089	Hoàng Lê Khánh Ly	Hoa Sen	Tin học	2.25	7.75	6.5	x		2.25	7.75	6.50	Hồng
111		831198	Đào Hoàng Minh Nhật	Hoa Sen	Tin học	3.75	5.00	4.5	x		3.75	5.00	4.50	Hồng
112		831240	Lê Thanh Phong	Hoa Sen	Tin học	2.75	8.50	7	x		2.75	8.50	7.00	Hồng
113		831271	Nguyễn Đăng Mỹ Phượng	Hoa Sen	Tin học	3.25	3.00	3	x	x	3.25	3.00	3.00	Hồng
114		831296	Nguyễn Trúc Quỳnh	Hoa Sen	Tin học	2.00	8.50	7	x	x	2.25	8.50	7.00	Hồng
115		831321	Tạ Thị Linh Tâm	Hoa Sen	Tin học	3.50	4.50	4.5	x	x	3.50	4.50	4.50	Hồng
116		831340	Nguyễn Ngọc Thảo	Hoa Sen	Tin học	2.75	8.00	6.5	x		2.75	8.00	6.50	Hồng
117		831366	Nguyễn Huỳnh Kim Thoa	Hoa Sen	Tin học	2.75	9.00	7.5	x		2.75	9.00	7.50	Hồng
118		831433	Dương Thị Bích Trâm	Hoa Sen	Tin học	2.00	8.50	7	x		2.00	8.50	7.00	Hồng
119		831444	Nguyễn Ái Trân	Hoa Sen	Tin học	2.00	6.50	5.5	x		2.00	6.50	5.50	Hồng
120		831520	Nguyễn Tiến Long Vũ	Hoa Sen	Tin học	3.25	5.00	4.5	x		3.25	5.00	4.50	Hồng
121		831317	Lương Ngọc Thanh Tâm	Hoa Sen	Tin học	2.25	7.00	6	x		2.25	7.00	6.00	Hồng
122		831224	Đỗ Thị Kim Oanh	Nguyễn Huệ	Tin học		10.00		x		4.50	10.00	8.50	T bình
123	HĐ 28: Nguyễn Du	502854	Phan Cường Ân	Nguyễn An Ninh	Nhiếp ảnh	2.25	9.50	7.5	x		2.25	9.50	7.50	Hồng

Tổng kê danh sách có

123

thí sinh được chấm phúc khảo, gồm các môn :

Môn thi

SL

- Điện

14

- Nhiếp ảnh

14

- Làm vườn

2

- Tin học

92

- Nấu ăn

1

Tổng cộng : 123

DUYỆT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu

Số thí sinh có kết quả xếp loại (KQXL) thay đổi

- Điện **3**

- Nhiếp ảnh **0**

- Làm vườn **0**

- Tin học **8**

- Nấu ăn **0**

Tổng cộng : 11 thí sinh có KQXL thay đổi

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2019
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM PHÚC KHẢO

(Đã ký)

Cao Minh Quý